

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

F03, Tòa nhà The Manor 2, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005, Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất số 0101612880, thay đổi lần thứ 21 ngày 29/07/2021.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: F03, Tòa nhà The Manor 2, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Callum Fraser	Thành viên HĐQT độc lập
Trương Diệu Hương	Thành viên (<i>Bổ nhiệm ngày 29/6/2022</i>)
Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên HĐQT độc lập (<i>Miễn nhiệm ngày 29/6/2022</i>)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
----------------------	---

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ngày 29/6/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 2906/2022/NQ/HĐQT thông qua các nội dung về việc góp vốn thành lập công ty con như sau:

Ngày 05/7/2022, Công ty Cổ phần Thương mại M&S đã được thành lập với mã số doanh nghiệp 0110051529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/7/2022 với vốn điều lệ đăng ký là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại M&S với số tiền 12.899.000.000 đồng, tương đương với 33,94% số vốn điều lệ đăng ký góp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 26, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 13 tháng 8 năm 2022



Số: 025/2022/BCSX-HT.00141

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 22/3/2022. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 13/8/2021.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.567.298.075	176.543.914.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.175.593.827	432.063.604
Tiền	111		4.175.593.827	432.063.604
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.460.314.008	175.277.153.069
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	20.096.969.950	101.917.349.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.501.313.657	21.528.355.857
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	72.000.000.000	32.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	37.862.030.401	19.831.448.212
IV. Hàng tồn kho	140		10.705.902.000	642.896.510
Hàng tồn kho	141	5.7	10.705.902.000	642.896.510
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		225.488.240	191.800.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	1.007.254	1.810.579
Thuế GTGT được khấu trừ	152		224.480.986	189.990.402
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.781.225.977	97.937.389.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.065.276.499	1.065.276.499
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	1.065.276.499	1.065.276.499
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		96.550.000.000	96.550.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	96.550.000.000	96.550.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		165.949.478	322.113.380
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	165.949.478	322.113.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.348.524.052	274.481.304.043

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.312.327.084	52.850.849.799
I. Nợ ngắn hạn	310		30.312.327.084	52.850.849.799
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	25.286.905.882	52.526.342.664
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	4.775.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	103.432.492	209.088.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.073.582	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	127.639.552	98.143.090
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.036.196.968	221.630.454.244
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	222.036.196.968	221.630.454.244
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Quý đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.811.796.878	11.406.054.154
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.406.054.154	10.595.752.298
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		405.742.724	810.301.856
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.348.524.052	274.481.304.043

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		56.654.870.450	80.466.982.100
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	56.654.870.450	80.466.982.100
Giá vốn hàng bán	11	6.2	56.250.911.510	80.059.951.500
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		403.958.940	407.030.600
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.026.432.582	1.250.134.544
Chi phí tài chính	22		-	5.753.425
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	920.159.148	1.203.973.070
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		510.232.374	447.438.649
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	6.4	2.443.175	42.747.028
Lợi nhuận khác	40		(2.443.175)	(42.747.028)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		507.789.199	404.691.621
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	102.046.475	80.945.728
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		405.742.724	323.745.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	19	15

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		507.789.199	404.691.621
Điều chỉnh cho các khoản:				
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.026.432.582)	(1.250.134.544)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(518.643.383)	(845.442.923)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		76.808.430.666	7.550.233.210
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.063.005.490)	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.432.866.738)	(10.821.842.660)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		156.967.227	192.155.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(207.702.452)	(26.940.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.743.179.830	(3.951.836.506)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(72.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.000.000.000	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(18.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.898.900.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		350.393	134.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(39.999.649.607)	2.499.034.544
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.743.530.223	(1.452.801.962)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		432.063.604	2.077.640.728
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	4.175.593.827	624.838.766

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005. Sau nhiều lần sửa đổi, hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101612880, thay đổi lần thứ 21 ngày 29/7/2021.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại, đầu tư.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: F03, Tòa nhà The Manor 2, số 91 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động
1	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk	Số 185 Giải Phóng - Thị trấn Phước An - Huyện Krông Pắc - Đắk Lắk.	Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh
2	CN Công ty CP Solavina tại Kon Tum	Thôn Măng Đen - Xã Đắk Long - Huyện Kon Plông - Kon Tum.	Đã ngừng hoạt động, đóng mã số thuế
3	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Nông	Tổ 5 - Phường Nghĩa Đức - Thành phố Gia Nghĩa - Đắk Nông.	Đang tạm ngừng kinh doanh
4	CN Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam	Tầng 15 tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 06 người (tại ngày 31/12/2021 là 07 người).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữ niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.8 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.10 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí giao hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.13 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
+ Tiền mặt	1.669.350.608	424.823.599
+ Tiền gửi ngân hàng	2.506.243.219	7.240.005
Cộng	4.175.593.827	432.063.604

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc VND	30/6/2022 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	01/01/2022 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	96.550.000.000	-	-	96.550.000.000	-	-
+ Công ty CP Cyan	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	-	-
+ Công ty CP Veridian	21.550.000.000	-	-	21.550.000.000	-	-
Cộng	96.550.000.000	-	-	96.550.000.000	-	-

(*) Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30/6/2022.

TT	Tên Công ty	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động
1	Công ty CP Cyan	15,00%	15%	Xây dựng	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
2	Công ty CP Veridian	14,37%	14,37%	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
+ Ông Phạm Việt Cường	-	12.100.000
+ Ông Lê Hải Châu	-	61.589.000.000
+ Công ty CP Nhiên liệu sinh học Tùng Lâm	-	38.274.149.500
+ Công ty CP Tư vấn Khoa học Công nghệ HTC	10.425.000.000	-
+ Công ty TNHH TMDV HT Thăng Long	6.987.164.200	-
+ Phải thu các khách hàng khác	2.684.805.750	2.042.099.500
Cộng	20.096.969.950	101.917.349.000

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HT Thăng Long	9.471.313.657	21.480.215.657
+ Trả trước cho nhà cung cấp khác	30.000.000	48.140.200
Cộng	9.501.313.657	21.528.355.857

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	20.000.000.000
+ Bà Lê Thị Luyến	-	12.000.000.000
+ Ông Hạ Quyết Chiến (i)	22.000.000.000	-
+ Ông Trương Xuân Hợp (ii)	50.000.000.000	-
Cộng	72.000.000.000	32.000.000.000

Trong đó, Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan (Xem thuyết minh 7.2)

- (i) Theo Hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/05/2022, thời hạn cho vay 03 tháng, lãi suất 6%/năm, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề dãy TT8.1 khu đô thị Nam 32, thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến năm 2019.
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay số 02.2022/HĐVT ngày 30/05/2022, thời hạn cho vay 03 tháng, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất thửa đất có diện tích sử dụng 122 m² tại số 100 phố Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

5.6. Phải thu khác

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
+ Tạm ứng	18.184.680.000	-	1.180.180.000	-
+ Lãi cho vay phải thu	1.648.356.161	-	622.273.972	-
+ Bà Hoàng Thị Ánh Xuân (i)	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
+ Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
Cộng	37.862.030.401	-	19.831.448.212	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn				
+ Kỳ quỹ, ký cược	55.836.364	-	55.836.364	-
+ Ông Nguyễn Hồng Quang (ii)	1.009.440.135	-	1.009.440.135	-
Cộng	1.065.276.499	-	1.065.276.499	-

- i. Phải thu bà Hoàng Thị Ánh Xuân theo Hợp đồng ủy thác mua hàng số 01VXL/HTAX/2021 ngày 16/7/2021 về việc Công ty ủy thác cho bà Hoàng Thị Ánh Xuân tìm kiếm nguồn hàng, thu mua hàng hóa là sản lát khô.

Do không tìm được nguồn hàng phù hợp, hai bên đã ký thanh lý hợp đồng vào ngày 05/7/2022, Bà Hoàng Thị Ánh Xuân đã hoàn trả số tiền nhận ủy thác cho Công ty.

- ii. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty (đã miễn nhiệm 04/09/2019) trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Hồng Quang và Công ty, ông Nguyễn Hồng Quang cam kết thanh toán hết các khoản công nợ nói trên cho Công ty vào ngày 31/12/2023.

5.7. Hàng tồn kho

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
+ Chi phí SX, KD dở dang	-	-	642.896.510	-
+ Hàng hóa	10.705.902.000	-	-	-
Cộng	10.705.902.000	-	642.896.510	-

5.8. Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Chi phí trả trước khác	1.007.254	1.810.579
Cộng	1.007.254	1.810.579
b) Dài hạn		
+ Chi phí thi công sửa chữa văn phòng	54.602.397	41.903.022
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.261.788	108.084.299
+ Chi phí thiết kế website	98.829.741	171.487.173
+ Chi phí trả trước dài hạn khác	255.552	638.886
Cộng	165.949.478	322.113.380

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Phải trả người bán

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
+ Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
+ Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ Niềm Tin Việt	874.999.157	874.999.157	12.603.899.157	12.603.899.157
+ Công ty TNHH Dịch vụ và xúc tiến thương mại Quốc Hưng	22.377.115.000	22.377.115.000	37.929.100.000	37.929.100.000
+ Các nhà cung cấp khác	811.251.725	811.251.725	769.803.507	769.803.507
Cộng	25.286.905.882	25.286.905.882	52.526.342.664	52.526.342.664

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
+ Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
+ Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
+ Các nhà cung cấp khác	282.200.000	282.200.000	282.200.000	282.200.000
Cộng	1.505.740.000	1.505.740.000	1.505.740.000	1.505.740.000

5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP Nhiên liệu sinh học Tùng Lâm	4.775.000.000	-
Cộng	4.775.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.088.469	102.046.475	207.702.452	103.432.492
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.591.000	1.591.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	209.088.469	106.637.475	212.293.452	103.432.492

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
+ Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
+ Bảo hiểm xã hội	31.247.603	7.247.603
+ Bảo hiểm y tế	5.178.684	858.684
+ Bảo hiểm thất nghiệp	1.286.353	326.353
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.000.000	50.000.000
+ Phải trả khác	216.462	-
Cộng	127.639.552	98.143.090

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM TRƯỚC					
01/01/2021	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.595.752.298	220.820.152.388
Lãi trong năm	-	-	-	810.301.856	810.301.856
31/12/2021	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	221.630.454.244
KỲ NÀY					
01/01/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	221.630.454.244
Lãi trong kỳ	-	-	-	405.742.724	405.742.724
30/06/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.811.796.878	222.036.196.968

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Cổ phiếu

	30/6/2022 <i>Cổ phiếu</i>	01/01/2022 <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	56.654.870.450	80.466.982.100
Cộng	56.654.870.450	80.466.982.100

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn bán hàng	56.250.911.510	80.059.951.500
Cộng	56.250.911.510	80.059.951.500

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
+ Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.026.432.582	134.544
+ Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	1.250.000.000
Cộng	1.026.432.582	1.250.134.544

6.4. Chi phí khác

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Các khoản phạt	2.443.175	42.747.028
Cộng	2.443.175	42.747.028

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
+ Chi phí nhân viên quản lý	327.004.815	343.354.000
+ Chi phí vật liệu quản lý	22.856.190	22.856.190
+ Chi phí dụng cụ quản lý	126.120.118	163.622.316
+ Thuế, phí, lệ phí	3.459.800	19.886.656
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	429.868.265	645.993.948
+ Chi phí bằng tiền khác	10.849.960	8.259.960
Cộng	920.159.148	1.203.973.070

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.976.308	186.478.506
Chi phí nhân công	327.004.815	343.354.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	429.868.265	645.993.948
Chi phí khác	14.309.760	28.146.616
Cộng	920.159.148	1.203.973.070

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		102.046.475	80.945.728
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(i)	102.046.475	80.945.728

(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận trước thuế	507.789.199	404.691.621
Điều chỉnh tăng	2.443.175	37.017
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	510.232.374	404.728.638
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	102.046.475	80.945.728
Chi phí thuế TNDN hiện hành	102.046.475	80.945.728

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế	405.742.724	323.745.893
<i>Các khoản điều chỉnh (*)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	405.742.724	323.745.893
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	15

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ngày 29/6/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 2906/2022/NQ/HĐQT thông qua các nội dung về việc góp vốn thành lập công ty con như sau:

Ngày 05/7/2022, Công ty Cổ phần Thương mại M&S đã được thành lập với mã số doanh nghiệp 0110051529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/7/2022 với vốn điều lệ đăng ký là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng).

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại M&S với số tiền 12.899.000.000 đồng, tương đương với 33,94% số vốn điều lệ đăng ký góp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Ông Michael Marc Lee	Thành viên quản lý chủ chốt
2	Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Callum Fraser	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Trương Diệu Hương	Thành viên quản lý chủ chốt
6	Bà Nguyễn Sương Đào	Thành viên quản lý chủ chốt
7	Bà Lê Thị Luyến	Thành viên ban kiểm toán nội bộ (đến ngày 28/7/2022)

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

TT	Bên liên quan	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
	Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp + Ông Nguyễn Văn Chiến	42.924.815 42.924.815	44.630.000 44.630.000
	Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn + Bà Lê Thị Luyến	12.000.000.000 12.000.000.000	- -

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Số dư với các bên liên quan:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
1	Phải thu về cho vay ngắn hạn Bà Lê Thị Luyến	Thành viên ban kiểm toán nội bộ (đến ngày 28/7/2022)	-	12.000.000.000

7.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính giữa niên độ vì Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của chuẩn mực kế toán.

Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực là buôn bán nông sản và khu vực địa lý duy nhất tại Việt Nam.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Chiến